

Số: 227 /BC-UBND

Bình Định, ngày 01 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu
quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 16/TB-TTHĐND ngày 17/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, thời gian kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh báo cáo kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG) trên địa bàn tỉnh năm 2023, như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

Để thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và để cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025¹; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025².

Trên cơ sở các quy định, văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh³.

UBND tỉnh tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác phối hợp triển khai, thực hiện 03 chương trình MTQG và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên địa bàn tỉnh

Các sở, ngành, địa phương mình đã phối hợp chặt chẽ với nhau trong triển khai

¹ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

² - Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

- Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 3200/QĐ-CTUBND ngày 3/10/2022 CTMTQG XDNTM; Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 CTMTQG GNBV; Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022 CTMTQG DTTS & MN).

³ 27 văn bản QPPL của tỉnh và 90 văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn, việc phối hợp triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động rà soát văn bản còn thiếu, tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả thực hiện chung

1.1. Kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước

- Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh của năm 2022 kéo dài và năm 2023): 974.187 triệu đồng. Tuy nhiên, số vốn sự nghiệp còn vướng cơ chế, chờ hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương không thực hiện được: 44.274 triệu đồng (bao gồm: 33.934 triệu đồng của Tiểu dự án 1, Dự án 9 thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN theo Văn bản số 1017/UBND-CS ngày 21/6/2023 của Ủy ban Dân tộc tạm dừng thực hiện; 10.340 triệu đồng của Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững).

Vì vậy, kế hoạch vốn được giao triển khai thực hiện năm 2023 là 929.913 triệu đồng.

1.2. Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước

Trên cơ sở rà soát số liệu báo cáo giải ngân của các sở, ngành, địa phương về tình hình hình giải ngân vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tính đến ngày 30/11/2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là: 541.621/929.913 triệu đồng, đạt tỷ lệ 58,2%. Trong đó:

- Phân theo nguồn vốn:

+ Vốn năm 2022 kéo dài: 179.736/220.089 triệu đồng, đạt tỷ lệ 81,7%

- *Vốn Ngân sách Trung ương:* 166.434/202.324 triệu đồng, đạt tỷ lệ 82,3% (Trong đó: Vốn đầu tư: 128.369/135.870 triệu đồng, tỷ lệ 94,5%; Vốn sự nghiệp: 38.065/66.454 triệu đồng, tỷ lệ 57,3%).

- *Vốn Ngân sách tỉnh đối ứng:* 13.302/17.765 triệu đồng, đạt tỷ lệ 74,9% (Trong đó: Vốn đầu tư: 13.302/17.765 triệu đồng, tỷ lệ 74,9%; Vốn sự nghiệp: không bố trí vốn).

+ Vốn năm 2023: 361.885/709.825 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51%.

- *Vốn Ngân sách Trung ương:* 299.403/587.516 triệu đồng, đạt tỷ lệ 50,9% (Trong đó: Vốn đầu tư 197.786/337.168 triệu đồng, tỷ lệ 58,7%; Vốn sự nghiệp: 101.617/250.348 triệu đồng, tỷ lệ 40,6%).

- *Vốn Ngân sách tỉnh đối ứng:* 62.482/122.309 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51,1% (Trong đó: Vốn đầu tư: 42.231/82.000 triệu đồng, tỷ lệ 51,5%; Vốn sự

nghiệp: 20.021/40.309 triệu đồng, tỷ lệ 49,6%).

- Phân theo Chương trình thực hiện:

+ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 224.264/339.529 triệu đồng, đạt tỷ lệ 66,1%

- Vốn năm 2022 kéo dài: 66.657/78.684 triệu đồng, tỷ lệ 84,7%.
- Vốn năm 2023: 157.607/260.845 triệu đồng, tỷ lệ 60,4%.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 136.003/352.872 triệu đồng, đạt tỷ lệ 38,5%.

- Vốn năm 2022 kéo dài: 78.865/103.345 triệu đồng, tỷ lệ 76,3%.
- Vốn năm 2023: 57.138/249.528 triệu đồng, tỷ lệ 22,9%.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 181.354/237.512 triệu đồng, đạt tỷ lệ 76,3%.

- Vốn năm 2022 kéo dài: 34.214/38.060 triệu đồng, tỷ lệ 89,8%.
- Vốn năm 2023: 147.140/199.452 triệu đồng, tỷ lệ 73,7%.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

1.3. Dự kiến giải ngân vốn các CTMTQG đến cuối năm 2023

Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện của từng chủ đầu tư, từng dự án, từng nhiệm vụ và khả năng thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023), ước giải ngân vốn các chương trình đến cuối năm 2023 như sau:

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 254.646/339.529 triệu đồng, đạt tỷ lệ khoảng 75% kế hoạch vốn giao. Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ trên 97%. Riêng vốn đầu tư năm 2022 kéo dài đạt tỷ lệ 100%.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 211.723/352.872 triệu đồng, đạt tỷ lệ khoảng 60% kế hoạch vốn giao. Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ trên 92%. Riêng vốn đầu tư năm 2022 kéo dài đạt tỷ lệ 100%.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 190.009/237.512 triệu đồng, đạt tỷ lệ trên 80% kế hoạch vốn giao. Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ trên 95%. Riêng vốn đầu tư năm 2022 kéo dài đạt tỷ lệ 100%.

1.4. Kết quả lồng ghép nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG

- Lồng ghép vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với tổng vốn lồng ghép là 4.700 triệu đồng: Công trình Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bo thôn 2,3,4 xã An Quang (4.700 triệu đồng).

- Lồng ghép vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 với tổng vốn lồng ghép là 5.187,3 triệu đồng:

+ Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng; 01 phòng GD nghệ thuật (1.633,6 triệu đồng).

+ Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn (3.553,7 triệu đồng).

- Lồng ghép vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với tổng vốn lồng ghép là 1.649,9 triệu đồng: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu suối Tem đến nhà văn hóa T6 (1.649,9 triệu đồng).

2. Kết quả triển khai thực hiện chi tiết từng Chương trình mục tiêu quốc gia

2.1. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

Đạt tỷ lệ 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, trên 90% số thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa, trên 90% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố, số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt trên 99%.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt khoảng 90%; số hộ được giải quyết nước sinh hoạt hằng 855 hộ (trong đó: 245 hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán và 610 hộ sử dụng nước sinh hoạt tập trung);

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (03 trường) và trường Phổ thông Dân tộc bán trú (07 trường) được xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 100%.

b) Kết quả triển khai, thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

** Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 20.623,9 triệu đồng; Đã giải ngân 17.004,4 triệu đồng, tỷ lệ 82,4% (trong đó: NSTW 13.204,3 triệu đồng, tỷ lệ 64%; NST đối ứng: 3.800,3 triệu đồng, tỷ lệ 18,4%).

- Kết quả thực hiện:

+ Nội dung: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất. Hỗ trợ nhà ở đối với 59 hộ (Vân Canh 5 hộ, Tây Sơn 5 hộ, Vĩnh Thạnh 18 hộ và An Lão 31 hộ); Hỗ trợ đất ở 15 hộ của huyện An Lão, hỗ trợ đất sản xuất 10 hộ của huyện An Lão, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 245 hộ (Vĩnh Thạnh 16 hộ, Vân Canh 126 hộ, Hoài Ân 79 hộ và An Lão 24 hộ) và hỗ trợ chuyển đổi nghề trên 303 người. Dự kiến đến 31/12/2023 các huyện sẽ tiếp tục hỗ trợ nhà ở đối với 60 hộ (Vân Canh 8 hộ, Tây Sơn 8 hộ, Vĩnh Thạnh 23 hộ, Hoài Ân 24 hộ và An Lão 07 hộ) và giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Nội dung: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung. Đầu tư 03 công trình (Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bo thôn 2,3,4 xã An Quang, huyện An Lão; Xây

dựng hệ thống nước tự chảy suối Đắc Toát làng Kà Nâu, huyện Vân Canh; Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch tự chảy xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân) để phục vụ nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

** Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 33.645 triệu đồng; Đã giải ngân 30.436 triệu đồng, tỷ lệ 90,5% (trong đó: NSTW 26.868,1 triệu đồng, tỷ lệ 79,9%; NST đối ứng: 3.567,9 triệu đồng, tỷ lệ 10,6%).

- Kết quả thực hiện: Đầu tư 04 công trình (Dự án khu dân cư làng T6 (làng mới Đak Pok), xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân; Dự án định an, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh; Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung, huyện An Lão và Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn, huyện An Lão), hiện nay các huyện đang thực hiện và đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

** Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 83.398 triệu đồng; Đã giải ngân 58.269,4 triệu đồng, tỷ lệ 69,9% (trong đó: NSTW 51.352,9 triệu đồng, tỷ lệ 61,6%; NST đối ứng: 6.916,5 triệu đồng, tỷ lệ 8,3%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân, UBND các huyện đã giao Ban Quản lý Rừng phòng hộ tổ chức thực hiện giao khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 73.336,03 ha. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN.

Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, Huyện Hoài Ân tiếp tục giải ngân hỗ trợ 55 con bò giống cho 55 hộ (An Sơn 9 hộ, Bok Tới 25 hộ và Đăk Mang 21 hộ); huyện An Lão đang triển khai thực hiện hỗ trợ 06 con trâu, 13 con bò, 270 con heo đen, 166 con heo cái F1 sinh sản, 45 con heo móng cái sinh sản, 4.700 con gà thả vườn và 650 cây cam. Hiện nay các huyện đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định.

Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Năm 2022 phân bổ cho huyện An Lão 721 triệu đồng vốn sự nghiệp nguồn Ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, huyện An Lão có 30% đồng bào DTTS không đáp ứng tiêu chí Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế là 50% nên không triển khai được.

Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN, các sở, ngành, địa phương như huyện Vân Canh; Tỉnh

đoàn Bình Định; Sở Khoa học và Công nghệ; Hội Nông dân tỉnh đã hoàn thành tổ chức 10 lớp (140 người/lớp) tập huấn thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư tại 05 huyện: Vân Canh (2 lớp), Vĩnh Thạnh (2 lớp), An Lão (3 lớp), Hoài Ân (2 lớp), Tây Sơn (1 lớp)...

** Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 110.230 triệu đồng; Đã giải ngân 85.601,3 triệu đồng, tỷ lệ 77,7% (trong đó: NSTW 80.359,1 triệu đồng, tỷ lệ 72,9%; NST đối ứng: 5.242,2 triệu đồng, tỷ lệ 4,8%).

- Kết quả thực hiện: Đã triển khai thực hiện 28 công trình giao thông, 03 công trình trường học, 02 công trình kênh mương nội đồng, 02 công trình văn hoá, 01 công trình chợ, một số công trình hạ tầng kỹ thuật khác và duy tu bảo dưỡng các công trình trên địa bàn các xã thụ hưởng Chương trình theo quy định.

** Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 46.082 triệu đồng; Đã giải ngân 16.158,5 triệu đồng, tỷ lệ 35,1% (trong đó: NSTW 14.555,3 triệu đồng, tỷ lệ 31,6%; NST đối ứng: 1.603 triệu đồng, tỷ lệ 3,5%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có học sinh bán trú) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Đầu tư 06 công trình trường PTDTNT và trường PTDTBT và thực hiện công tác xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện thụ hưởng; thực hiện mua sắm 77 bộ máy vi tính dạy học trang bị cho Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão (38 bộ), Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Canh (39 bộ), bảng viết phấn (bảng trượt) 145 cái, giường tầng nội trú 349 cái, tủ đựng đồ cá nhân 8 cánh: 155 cái và 42 bộ máy vi tính dạy học.

+ Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN:

Đã triển khai 2 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho hơn 70 học viên thuộc đối tượng 4 và chuẩn bị thủ tục tổ chức các lớp tiếp theo. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang.

+ Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN: Huyện An Lão đã tổ chức 18 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho khoảng hơn 600 học viên và 06 lớp nghề phi nông nghiệp cho khoảng 310 lao động nông thôn, cụ thể: 04 lớp may công nghiệp: 140 học viên, 01 lớp điện: 35 học viên, 01 lớp kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: 35 học viên; huyện Vĩnh Thạnh đang tổ chức 02 lớp/70 học viên; huyện Vân Canh đang tổ chức triển

khai các lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho các đối tượng trên địa bàn huyện theo quy định.

+ Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:

Tổ chức cho khoảng 60 người là cán bộ cấp huyện, cấp xã, cộng đồng dân cư, chia làm 02 đợt đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía Nam; tổ chức 02 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở với 210 học viên và 11 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng tại các huyện thụ hưởng Chương trình (70 người/lớp).

** Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 21.303 triệu đồng; Đã giải ngân 8.965,9 triệu đồng, tỷ lệ 42,1% (trong đó: NSTW 8.438,8 triệu đồng, tỷ lệ 39,6%; NST đối ứng: 527,1 triệu đồng, tỷ lệ 2,5%).

- Triển khai 21 danh mục công trình thiết chế văn hoá trên địa bàn các huyện thụ hưởng; huyện An Lão đã hỗ trợ 06 dàn âm thanh, thực hiện phục dựng 02 bộ trang phục Hre, Bana; sản xuất phim tài liệu phục dựng lễ hội truyền thống ăn cốm lúa mới; thông tin, tuyên truyền bảo tồn lễ hội truyền thống ăn cốm lúa mới của đồng bào dân tộc thiểu số Bana K'riem bằng băng rôn, phướn và tờ rơi tuyên truyền Lễ hội ăn cốm lúa mới; huyện Vĩnh Thạnh tổ chức sản xuất phim tài liệu Trường ca Hmon phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền quảng bá văn hóa truyền thống đồng bào Bana Kriem.

** Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 3.171 triệu đồng; Đã giải ngân 1.452 triệu đồng, tỷ lệ 45,8% (trong đó: NSTW 1.343 triệu đồng, tỷ lệ 42,3%; NST đối ứng: 109 triệu đồng, tỷ lệ 3,5%).

- Kết quả thực hiện: Thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN với 329 người bà mẹ mang thai; cấp miễn phí các sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em từ 06 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng; cấp phát 4.659 tờ rơi cấp phát cho phụ nữ có thai và người chăm sóc trẻ, 23.200 tờ rơi truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tổ chức 14 buổi/14 xã tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản) và người dân ủng hộ, tham gia Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn...

** Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 8.127 triệu đồng; Đã giải ngân 2.094 triệu đồng, tỷ lệ 25,8% (trong đó: NSTW 2.094 triệu đồng, tỷ lệ 25,8%; NST đối ứng: 0 triệu đồng, tỷ lệ 0%).

- Kết quả thực hiện: Khảo sát, thu thập thông tin đầu kỳ với hơn 5.200 phiếu của hội viên phụ nữ; tổ chức 7 lớp tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới; hướng dẫn thành lập và vận hành Tổ truyền thông cộng đồng, CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, mô hình “Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình” cho 394 cán bộ Hội và các ngành có liên quan của 5 huyện thụ hưởng Chương trình; tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền thông qua tổ chức hội thi Bình đẳng giới, phòng chống xâm hại và bạo lực gia đình thu hút hơn 100 phụ nữ tham gia. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

** Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 3.069 triệu đồng; Đã giải ngân 1.910 triệu đồng, tỷ lệ 62,2% (trong đó: NSTW 1.731 triệu đồng, tỷ lệ 56,4%; NST đối ứng: 179 triệu đồng, tỷ lệ 5,8%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Tạm dừng thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc

+ Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

Đã triển khai xây dựng 12 Pano tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại 12 thôn, làng của các xã thuộc huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh và 06 pano tại 03 trường: Trường PTDT Bán trú Canh Liên; PTDT Bán trú TH&THCS Vĩnh Kim và PTDT Bán trú An Lão; xây dựng phóng sự và đưa tin, tổ chức 09 diễn đàn nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức 13 Hội nghị tập huấn tuyên truyền Đề án, pháp luật Hôn nhân và gia đình với hơn 1.290 người tham dự; tổ chức 02 Hội thi: “Phụ nữ với kiến thức Pháp luật về Hôn nhân và Gia đình”, “Hội thi Rung chuông vàng với chủ đề học sinh với kiến thức pháp luật” với hơn 380 người tham gia.

** Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 9.880 triệu đồng; Đã giải ngân 2.772 triệu đồng, tỷ lệ 28,1% (trong đó: NSTW 2.152 triệu đồng, tỷ lệ 25,4%; NST đối ứng: 260 triệu đồng, tỷ lệ 2,6%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín;

Đã hoàn thành thủ tục chọn cử người có uy tín tham dự Chương trình biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến do Ủy ban Dân tộc tổ chức. Tổ chức Hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Vân Canh và Hoài Ân với hơn 750 người dân tham dự,...; Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Báo VietnamNet sản xuất 03 bản tin infographic tuyên truyền về Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa

bàn tỉnh.

+ Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

UBND các huyện An Lão, Hoài Ân và Ban Dân tộc tỉnh đã và đang triển khai dự án Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. Đến nay, ở cấp tỉnh và cấp huyện đã tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương.

2.2. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

- Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chung của tỉnh (tính sơ bộ năm 2023): Tỷ lệ nghèo đa chiều 6,51% với 28.672 hộ. Trong đó, tổng số hộ nghèo là 14.587 hộ, tổng số hộ cận nghèo 14.085 hộ. Như vậy, kết quả giảm 2,53% so với tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022, 11.155 hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Riêng địa bàn huyện nghèo An Lão (tính sơ bộ năm 2023): Giảm 13,37% so với tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 với 1.236 hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, trong đó có 732 hộ nghèo thoát nghèo (giảm 7,97% hộ nghèo) và 504 hộ cận nghèo thoát cận nghèo (giảm 5,4% hộ cận nghèo).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

+ Tạo việc làm cho 32.029 lao động, có 700 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tư vấn giới thiệu việc làm (trong đó có 22 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo kết nối việc làm thành công).

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa tỉnh 2.830 người, trong đó huyện nghèo An Lão 210 người;

+ Đã có 1.287 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở (1.101 nhà xây dựng mới; 186 nhà sửa chữa).

+ Tỷ lệ nghèo đa chiều bình quân toàn tỉnh năm 2023 giảm còn 6,51%, giảm 2,53% (giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,19%, hộ cận nghèo 1,34%). Riêng huyện nghèo An Lão giảm còn 30,1%, giảm 13,37% so với tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 (giảm tỷ lệ hộ nghèo 7,97%, hộ cận nghèo 5,4%).

b) Kết quả triển khai, thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

**** Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão,***

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 181.231 triệu đồng; Đã giải ngân 85.667,1 triệu đồng, tỷ lệ 47,3% (trong đó: NSTW 79.799,2 triệu đồng, tỷ lệ 44%; NST đối ứng: 5.867,9 triệu đồng, tỷ lệ 3,3%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão,

Đầu tư cơ sở hạ tầng: Thực hiện 29 công trình (giao thông 9 công trình, thủy lợi 7 công trình, giáo dục 6 công trình, y tế 4 công trình, hạ tầng kỹ thuật 3 công trình) và thực hiện công tác duy tu tuyến đường xã An Vinh.

+ Tiêu dự án 2: Đề án hỗ trợ huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025

Thực hiện 03 công trình trọng tâm, trọng điểm tạo kết nối, liên kết vùng (cầu Bến Nhon, cầu Sông Đình, đường bao quanh thị trấn An Lão) và thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng các công trình thực hiện Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

** Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 45.456 triệu đồng; Đã giải ngân 12.497,8 triệu đồng, tỷ lệ 27,5% (trong đó: NSTW 12.267,8 triệu đồng, tỷ lệ 26,9%; NST đối ứng: 230 triệu đồng, tỷ lệ 0,6%), trong đó:

- Kết quả thực hiện: Hiện nay, các sở, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đang thẩm định các dự án (03 dự án chuỗi và hơn 90 dự án phát triển sản xuất cộng đồng), tổ chức thực hiện trong thời gian đến hết năm 2023.

** Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 27.003 triệu đồng; Đã giải ngân 2.633 triệu đồng, tỷ lệ 9,8% (trong đó: NSTW 2.519 triệu đồng, tỷ lệ 9,4%; NST đối ứng: 114 triệu đồng, tỷ lệ 0,4%), trong đó:

- Kết quả thực hiện:

+ Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn cho cán bộ nông nghiệp thực hiện dự án, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, thực hiện các dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái giống, trâu giống, heo đen, heo thương phẩm, gà thịt thả vườn, các loại cây trồng: Bưởi da xanh, dưa xiêm và nuôi cá lồng trên hồ thủy lợi. Bên cạnh đó, các địa phương đang thẩm định các dự án và tiếp tục triển khai cho đến cuối năm 2023.

+ Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Thực hiện hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 16 tuổi: Tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi; cung cấp sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai; bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng; bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp; phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng; Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở; Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng thông qua báo đài, tờ rơi, bản tin; tập huấn kỹ năng chăm sóc cho cán bộ y tế cơ sở; tổ chức các buổi truyền thông thôn, xã.

** Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 78.424 triệu đồng; Đã giải ngân 24.600 triệu đồng, tỷ lệ 31,4% (trong đó: NSTW 22.713 triệu đồng, tỷ lệ 29%; NST đối ứng: 1.887 triệu đồng, tỷ lệ 2,4%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

02 trường cao đẳng đang triển khai sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị, dự kiến sẽ giải ngân hết trong năm 2023.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố triển khai công tác rà soát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề của người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo bị thiếu hụt chiều việc làm và chiều đào tạo. Truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm. Hiện đang tiếp tục thực hiện.

Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác đào tạo nghề cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Huyện An Lão thực hiện công tác xuất khẩu lao động, tuy nhiên đối tượng lao động còn hạn chế.

+ Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 12/10/2023 về tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hiện đang thực hiện.

Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định đang triển khai thực hiện dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin và xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động tại Trung tâm; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; Hỗ trợ giao dịch việc làm; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công. Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; Hỗ trợ giao dịch việc làm; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai thực hiện công tác thu thập tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư năm 2023.

** Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo An Lão,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 4.131 triệu đồng; Đã giải ngân 3.542 triệu đồng, tỷ lệ 85,7% (trong đó: NSTW 3.220 triệu đồng, tỷ lệ 77,9%; NST đối ứng: 322 triệu đồng, tỷ lệ 7,8%).

- Kết quả thực hiện: Đã hỗ trợ nhà ở cho 108 hộ nghèo, cận nghèo (trong đó: xây dựng mới 74 hộ, sửa chữa nhà ở 34 hộ).

** Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 5.170 triệu đồng; Đã giải ngân 1.682 triệu đồng, tỷ lệ 32,5% (trong đó: NSTW 1.554 triệu đồng, tỷ lệ 30,0%; NST đối ứng: 128 triệu đồng, tỷ lệ 2,5%), trong đó:

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin,

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì và phối hợp với Báo Vietnamnet sản xuất 06 tin bài (03 bài phản ánh và 03 bài chính luận) truyền thông giảm nghèo về thông tin và tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ: “Hoạt động giảm nghèo về thông tin”.

+ Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền thông qua các hình thức khác nhau về công tác giảm nghèo trên địa bàn.

** Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình,*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 10.626 triệu đồng; Đã giải ngân 2.707 triệu đồng, tỷ lệ 25,5% (trong đó: NSTW 2.686 triệu đồng, tỷ lệ 25,3%; NST đối ứng: 21 triệu đồng, tỷ lệ 0,2%), trong đó:

- Kết quả thực hiện:

+ Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, các địa phương, các sở, ngành của tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực thực hiện Chương trình.

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, các địa phương, các sở, ngành thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

2.3. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

Kết quả thực hiện đến cuối tháng 10/2023: Toàn tỉnh có 111 xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong đó: có 85/111 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 76,6% (mục tiêu đến năm 2025 là 85% theo Nghị quyết của HĐND tỉnh); có 17/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 20% (mục tiêu đến 2025 là 40%); chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu đến 2025 là 10%). Có 05/11 đơn vị cấp huyện (thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới, đạt tỷ lệ 45,45% (mục tiêu đến 2025 có 7/11 đơn vị cấp huyện). Số xã đạt dưới 15 tiêu chí: 21 xã.

Dự kiến đến cuối năm 2023: có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả triển khai, thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

Tổng kinh phí giao thực hiện năm 2023 (bao gồm vốn năm 2022 kéo dài và vốn năm 2023) là 237.512 triệu đồng (trong đó: Vốn đầu tư: 177.290 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 60.222 triệu đồng); Đã giải ngân 181.354,8 triệu đồng, tỷ lệ 76,4% (trong đó: NSTW 139.019,2 triệu đồng, tỷ lệ 58,5%; NST đối ứng: 42.335,7 triệu đồng, tỷ lệ 17,9%), trong đó:

* *Nội dung thành phần số 1:* Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch

Các địa phương đã và đang tiến hành rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã. Đến nay, đã có 93/111 xã hoàn thành tiêu chí về quy hoạch, đạt 83,8%.

* *Nội dung thành phần số 2:* Phát triển hạ tầng KTXH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền

Đầu tư hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện: Có 95/111 xã (85,6%) đạt tiêu chí Giao thông; so với mục tiêu đến năm 2025 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ) là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì trong thời gian còn lại (2023-2025) cần tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thành mục tiêu.

102/111 xã (91,9%) đạt tiêu chí thủy lợi và phòng, chống thiên tai; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

107/111 xã (96,4%) đạt tiêu chí Điện; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì Bình Định đã đạt mục tiêu kế hoạch.

91/111 xã đạt chỉ số 5 về trường học theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đạt tỷ lệ 81,9%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

90/111 xã đạt chỉ số 6 về cơ sở vật chất văn hóa theo (đạt tỷ lệ 81,1%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

105/111 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (đạt tỷ lệ 94,6%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

104/111 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông (đạt tỷ lệ 93,7%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

* *Nội dung thành phần số 3:* Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã

một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

Đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tính đến nay, tỉnh đã đánh giá, phân hạng và cấp giấy chứng nhận cho 265 sản phẩm OCOP, trong đó: 225 sản phẩm hạng 3 sao (84,91%); 40 sản phẩm hạng 4 sao (15,09%). Có 207 chủ thể, trong đó: 34 chủ thể là doanh nghiệp (16,43%); 26 chủ thể là hợp tác xã (12,56%); 147 chủ thể là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh (71,01%).

Có 88/111 xã đạt tiêu chí về thu nhập (đạt 79,3%); 102 xã (91,9%) đạt tiêu chí về lao động; 91 xã (81,9%) đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông. So với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

** Nội dung thành phần số 4: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo*

Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030. Đến nay toàn tỉnh có 101 xã (90,9%) đạt tiêu chí về Nghèo đa chiều; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì Bình Định đã vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư: có 102 xã (91,9%) đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, với nhiều chính sách, dự án hỗ trợ từ các chương trình MTQG, thì mục tiêu này Bình Định đã đạt vượt mục tiêu kế hoạch.

** Nội dung thành phần số 5: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn*

104 xã (93,7%) đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo thì nội dung này đã sớm hoàn thành.

101 xã (90,9%) đạt tiêu chí về Y tế; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thì mục tiêu này Bình Định có khả năng hoàn thành trong những năm tới.

** Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn*

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” tiếp tục được quan tâm

chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả khá tích cực. Đến nay có 103 xã (92,8%) đạt tiêu chí về văn hóa; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về văn hóa thì kết quả cho đến nay đã cao hơn nhiều so với mục tiêu.

** Nội dung thành phần số 7:* Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

Đến nay có 87 xã (78,4%) đạt tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thì trong những năm tiếp theo cần tiếp tục nỗ lực thực hiện để hoàn thành mục tiêu đề ra.

** Nội dung thành phần số 8:* Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện; Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên; các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tiếp tục được các địa phương đặc biệt quan tâm.

** Nội dung thành phần số 9:* Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới

Đến nay có 105 xã (94,6%) đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thì mục tiêu này có khả năng hoàn thành.

** Nội dung thành phần số 10:* Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Đến nay có 107 xã (96,4%) đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 99% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thì kết quả đạt được đến nay đã gần đạt mục tiêu đề ra.

** Nội dung thành phần số 11:* Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới: Các sở, ngành, địa phương tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá chung

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tạo sự thống nhất chỉ đạo triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã về thực hiện các

Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 được triển khai đồng bộ thì cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân, các điều kiện về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa cũng sẽ không ngừng được cải thiện, diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi, ngày càng cải thiện, khang trang, sạch đẹp, các dịch vụ về môi trường ngày càng tốt hơn,...góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống và thu hẹp dần khoảng cách giữa miền ngược và miền xuôi.

Đến nay, cơ bản các khó khăn, vướng mắc chính để triển khai thực hiện các dự án thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được tháo gỡ, các sở, ngành, địa phương trên cơ sở đó đã chủ động hơn trong việc triển khai thực hiện.

Các hộ gia đình nghèo, cận nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất. Các công trình nước sạch sinh hoạt tập trung được đầu tư xây dựng, cải thiện điều kiện sống cho bà con.

Các công trình giáo dục, y tế, văn hóa được quan tâm đầu tư.

Nguồn vốn của Chương trình đã hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình, đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ đào tạo nghề, xuất khẩu lao động góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng dự án.

2. Những hạn chế, tồn tại

2.1. Chương trình MTQG xây dựng phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN

- *Tiểu dự án 1 của Dự án 3 về Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân:* Tỉnh Bình Định hiện có 07 thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III trong khi đó theo quy định tại Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, III mới được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân nên người dân sinh sống tại đây không được thụ hưởng chính sách.

- *Nội dung 2, Tiểu dự án 2 của Dự án 3: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý:* Theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định “Địa điểm triển khai thực hiện dự án được liệu quý phải đáp ứng các tiêu chí sau:.... Là huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số” (khoản 2 Điều 6). Tuy nhiên, huyện An Lão có khoảng 38% tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn huyện, nên không đáp ứng được tiêu chí trên. Vì vậy, không thực hiện được.

- *Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:*

+ Về Nội dung số 02, Tiểu dự án 2, Dự án 5: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học. Đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có hướng dẫn cụ thể. Do đó, chưa thực hiện được nội dung này.

+ Đối với Tiểu dự án 4, Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. Đến nay Ủy ban Dân tộc chưa ban hành bộ tài liệu đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, nên nội dung này triển khai và giải ngân vốn còn chậm.

- *Tiểu dự án 1, Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù:* Trung ương đang tạm dừng thực hiện (Văn bản số 1017/UBDT-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban Dân tộc).

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Chưa có quy định về đối tượng “*Người lao động có thu nhập thấp*”, do đó chưa thể triển khai đào tạo nghề cho nhóm đối tượng này.

- Theo hướng dẫn tại Văn bản số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trả lời giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, trong đó có nêu: Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Do vậy, gây khó khăn, lúng túng cho các Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện.

- Về ban hành Chuẩn đầu ra trình độ sơ cấp: Đến nay, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chưa ban hành Chuẩn đầu ra trình độ sơ cấp. Do vậy, nội dung này ở địa phương chưa triển khai được.

2.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 chưa được quy định rõ ràng, cụ thể từ trung ương đến cơ sở, đã làm cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện, xã giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi, kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên hiệu quả công việc chưa cao.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 quy định một số nội dung chưa sát với thực tế, như: (i) Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng,...; (ii) Tiêu chí văn hóa quy định Trung tâm văn hóa - thể thao xã tách biệt với khu hành chính xã, trong khi giai đoạn 2016 -2020 phần lớn các xã có trung tâm văn hóa - thể thao gắn liền với khu hành chính xã; (iii) Tỷ lệ tăng hàng năm của tiêu chí thu nhập là rất cao (bình quân mỗi năm tăng thêm 5 triệu đồng/người).

- Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 chỉ bằng 50% so với giai đoạn 2016-2020; trong khi đó, bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 quy định cao hơn.

- Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn nội dung chi thực hiện thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

(Hiện nay các hạn chế, tồn tại, vướng mắc trên, UBND tỉnh đã có Văn bản báo cáo các Bộ, Ngành Trung ương và sẽ có hướng dẫn giải quyết trong thời gian đến).

3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương nhiều, nhưng ban hành còn chậm, chưa cụ thể, rõ ràng, cho đến nay các đề xuất, đề nghị của địa phương vẫn chưa được Trung ương hướng dẫn.

- Việc giao kế hoạch vốn triển khai thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương chậm. Đến tháng 05/2022, Trung ương chính thức giao kế hoạch vốn và đến tháng 08/2022, Tỉnh giao chính thức và về địa phương sau khi thông qua HĐND cấp huyện thì khoảng tháng 10/2022 mới bắt đầu triển khai thực hiện.

- Việc lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện đầu tư gặp nhiều khó khăn do tính chất đặc thù của mỗi chương trình có quy định cụ thể về nội dung, đối tượng và địa bàn thực hiện.

- Do nội dung tập huấn, bồi dưỡng của từng chương trình MTQG có sự tương đồng và triển khai trên cùng địa bàn nên dễ có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Chương trình có rất nhiều nội dung thành phần, tiểu dự án, dự án rất mới, gây lúng túng trong triển khai và các sở, ngành, địa phương, nhất là cán bộ cấp cơ sở cần có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu và triển khai.

- Các sở, ngành, địa phương thụ hưởng Chương trình chưa chủ động, còn chờ các văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng của cấp trên để triển khai đúng quy định, nên làm chậm quá trình triển khai thực hiện và giải ngân vốn.

- Việc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đã có một số Hợp tác xã đăng ký tham gia, tuy nhiên chưa nhiều; tỷ lệ đối ứng của người dân tham gia dự án còn cao, nhất là những địa bàn xã, phường, thị trấn không thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện có hiệu quả các Chương trình.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị Trung ương các nội dung còn vướng mắc, còn thiếu trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tập trung dồn đốc tiến độ thực hiện các công trình, dự án đang triển khai, khẩn trương hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư đối với các công trình được bố trí khởi công mới trong năm 2024. Yêu cầu báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ chương trình đối với từng chương trình triển khai, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình được thực hiện đầy đủ, thực sự là cơ quan đầu mối, chủ quản trong việc giải quyết, tháo gỡ và đề xuất tháo gỡ khó khăn của các địa phương, sở, ngành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện chương trình. Tăng cường trách nhiệm của Giám đốc các BQLDA cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã và cam kết về tiến độ thực hiện dự án.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ các cấp trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình MTQG tại cơ sở; chú trọng gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu với kế hoạch phát triển của các bộ, ngành, địa phương.

- Tiến hành rà soát các đối tượng và nội dung tập huấn, bồi dưỡng để đề xuất hướng giải quyết phù hợp, tránh trùng lặp đối tượng và nội dung dẫn đến lãng phí và không hiệu quả trong thực hiện các Chương trình MTQG.

- Tập trung hướng dẫn các địa phương, tổ nhóm cộng đồng lựa chọn mô hình phát triển sản xuất thuộc các dự án Hỗ trợ triển sản xuất để có cơ sở thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện tại địa phương nhằm đem lại hiệu quả thiết thực. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra, giám sát để các dự án được lựa chọn thực sự cải thiện sinh kế cho người dân.

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN

- Tập trung quan tâm, hỗ trợ về đất ở, nhà ở, đất sản xuất để người dân vùng đồng bào DTTS&MN ổn định dân cư, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung để đưa vào sử dụng, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người dân.

- Tiếp tục đơn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai dự án về cơ sở hạ tầng thực hiện Dự án 4, đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú thực hiện Dự án 5 của Chương trình.

3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục đơn đốc UBND huyện An Lão khẩn trương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình thuộc Dự án 1 của Chương trình, nhất là dự án Cầu Bến Nhơn và Cầu sông Đình là 02 công trình trọng điểm có tính chất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Lão.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề đối với các gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

4. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình chuyên đề phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả 11 nội dung thành phần của Chương trình.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025” đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 11/07/2022 về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021-2026”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

- Tiếp tục ban hành và triển khai thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững; trong đó, triển khai hiệu quả Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 của UBND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; Chương trình bê tông giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

- Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng nông thôn mới, như: môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn; đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch nông thôn....

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn; lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác, thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện linh hoạt cơ chế phân chia tiền sử dụng đất tại các địa phương, theo hướng ưu tiên điều tiết nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất của huyện cho các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và các xã khó khăn để có nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là các nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở KH&ĐT; Sở TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN CHUNG VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

DVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn										Giải ngân vốn								Tỷ lệ giải ngân (%)			Ghi chú
		Kế hoạch chung	Vốn năm 2022 kéo dài				Vốn năm 2023				Giải ngân chung	Vốn năm 2022 kéo dài				Vốn năm 2023				Tỷ lệ chung	Vốn năm 2022 kéo dài	Vốn năm 2023	
			NSTW		NST		NSTW		NST			NSTW		NST		NSTW		NST					
			ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN		ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN				
	TỔNG	974.187	135.870	74.657	17.765	0	337.168	282.155	82.000	44.573	541.621	128.369	38.065	13.302	0	197.786	101.617	42.231	20.251	55,6	78,7	48,5	
A	Nội dung không thực hiện được (Vướng về cơ chế, chờ hướng dẫn của các Bộ, ngành TW)	44.274	0	8.203	0	0	0	31.807	0	4.264	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	0,0	0,0	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	33.934	0	8.203	0	0	0	22.753	0	2.978	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Tiêu dự án 1, Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	33.934		8.203				22.753		2.978	0												
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.340	0	0	0	0	0	9.054	0	1.286	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Tiêu dự án 1, Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (các TTGDNN-GDTX)	10.340		0				9.054		1.286	0												
B	Nội dung đang thực hiện	929.913	135.870	66.454	17.765	0	337.168	250.348	82.000	40.309	541.621	128.369	38.065	13.302	0	197.786	101.617	42.231	20.251	58,2	81,7	51,0	
1	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	339.529	50.392	20.266	8.026	0	112.694	115.624	16.905	15.622	224.264	46.449	13.519	6.689	0	83.249	58.841	7.484	8.033	66,1	84,7	60,4	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	352.872	61.209	32.520	9.616	0	118.844	100.764	17.827	12.093	136.003	59.363	12.989	6.513	0	25.563	26.845	1.000	3.730	38,5	76,3	22,9	
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	237.512	24.269	13.668	123	0	105.630	33.960	47.268	12.594	181.354	22.557	11.557	100	0	88.974	15.931	33.747	8.488	76,4	89,9	73,8	